

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH KIÊN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 173/2020/DS-PT
Ngày: 24/11/2020
V/v Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Lâm Sơn

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Như Tám

Ông Trần Bình Đảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Hà – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa:
Ông Cao Phương Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Kiên Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 175/2020/TLPT-DS ngày 27 tháng 10 năm 2020 về việc “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2020/DS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 165/2020/QĐ-PT ngày 09 tháng 11 năm 2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Văn Minh Th, sinh năm 1966; (Có mặt)

Bà Phạm Thị Ph, sinh năm 1968; (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Tr, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Bị đơn: Ông Huỳnh Văn T, sinh năm 1962; (Có mặt)

Bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm 1962; (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Tr, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Đ là ông Huỳnh Văn T, sinh năm: 1962 theo giấy ủy quyền ngày 23/11/2020.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1/ Anh Huỳnh Chí C, sinh năm: 1993 (có đơn xin vắng mặt)

2/ Chị Văn Kiều D, sinh năm: 1996; (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp Tr, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01-11-2018 và các lời khai trong hồ sơ vụ án nguyên đơn bà Phạm Thị Ph trình bày và yêu cầu như sau:

Năm 2017, bà Nguyễn Thị Đ (là thông gia với bà Ph) có nhờ bà Ph, ông Th hỏi vay vàng để cất nhà nên bà Ph trực tiếp hỏi mẹ chồng bà Ph (là bà Phan Thị Kh) 02 lần với số vàng là 30 chỉ 24kr (loại vàng 9999), lãi suất thỏa thuận. Cụ thể như sau:

- Lần 1: Vào ngày 22/6/2017 âm lịch, bà Ph trực tiếp đưa cho bà Đ 20 chỉ vàng 24kr (9999) tại nhà bà Ph. (bà Đ đi với người con rể).

- Lần 2: Vào ngày 06/8/2017 âm lịch, bà Đ có điện thoại cho bà Ph kêu bà Ph đưa cho C (con trai bà Đ) và D (con gái bà Ph) nhận dùm 10 chỉ vàng 24kr (9999) do bà Đ bận việc không đến nhận vàng được, C và D nhận vàng tại nhà bà Ph. Cả 02 lần vay vàng bà Đ và ông T thừa nhận có nhận 30 chỉ vàng của bà Ph đưa như trình bày trên.

Đến tháng 4/2018, bà Đ có cho vợ chồng bà Ph vay (mượn) 10 chỉ vàng 24kr (9999) để bà Ph, ông Th sang đất, nhưng khoảng vài ngày sau thì bà Ph có đem 10 chỉ vàng 24kr (9999) trả lại thì bà Đ có kêu bà Ph cần trừ qua số vàng 30 chỉ 24 kr (9999) mà bà Đ, ông T nhờ bà Ph hỏi dùm. Do đó bà Ph đồng ý và nhận 10 chỉ vàng 24kra nên số vàng mà vợ chồng bà Đ còn nợ lại là 20 chỉ vàng 24kr (9999).

Do thời gian vay vàng của bà Kh đã lâu và bà Kh bị bệnh nên bà Ph, ông Th đã trả 30 chỉ vàng 24kr (9999) cho bà Kh xong.

Trong quá trình giải quyết, giữa bà Ph, ông Th và bà Đ, ông T không thỏa thuận được 10 chỉ vàng 24kr (loại 9999) đã cần trừ nên bà Ph, ông Th yêu cầu bà Đ và ông T trả cho vợ chồng bà số vàng là 30 chỉ vàng 24kr (9999) trong thời gian 02 tháng. Đồng thời, bà Ph, ông Th đồng ý trả lại cho ông T, bà Đ 10 chỉ vàng 24kr (9999) số vàng đã vay, trong thời gian 02 tháng. Ngoài ra, bà Ph và ông Th không yêu cầu gì thêm.

Nguyên đơn ông Văn Minh Th trình bày: Thống nhất với nội dung và yêu cầu của bà Ph như trên, ông Th không có bổ sung gì thêm.

Theo yêu cầu phản tố và trong quá trình giải quyết ông Huỳnh Văn T trình bày như sau:

Vào năm 2017, do thiếu tiền cất nhà nên ông T và bà Đ có nhờ con ông là Huỳnh Chí C và Văn Kiều D hỏi vay dùm vàng để ông chi phí cất nhà. Sau đó, D có nói với mẹ ruột của D là bà Ph và có kêu vợ ông T, bà Đ lên gặp bà Ph để nhận vàng. Cụ thể nhận vàng 02 lần đúng như bà Ph trình bày nêu trên. Khoảng tháng 4/2018, bà Ph, ông Th có lên hỏi mượn ông và bà Đ 10 chỉ vàng 24kr (9999). Số vàng này hiện nay bà Ph, ông Th chưa trả lại cho ông.

Nay bà Ph, ông Th yêu cầu ông T và bà Đ trả 20 chỉ vàng 24kr (9999) ông không đồng ý vì ông không có nợ vàng của bà Ph, ông Th. Số vàng 30 chỉ 24kr (9999) mà ông nhờ C và D hỏi vay dùm hiện nay cũng đã trả cho C xong. Đối với 10 chỉ vàng 24kr (9999) mà bà Ph, ông Th hiện nay còn nợ ông số vàng nêu trên chưa trả, vợ chồng ông làm đơn phản tố yêu cầu bà Ph và ông Th trả lại cho ông 01 lần đủ số vàng này. Tuy nhiên, tại phiên tòa sơ thẩm phía vợ chồng ông T, bà Đ rút lại toàn bộ nội dung phản tố đòi 10 chỉ vàng 24k (9,999) nêu trên.

** Tại biên bản đối chất ngày 04/02/2020 anh Huỳnh Chí C trình bày:* Vào năm 2017, cha mẹ ruột anh là bà Đ và ông T có nhờ anh và vợ anh hỏi vay vàng dùm. Do trong thời gian chung sống với vợ anh là chị D thì chị D quản lý tài sản có gửi tiền và vàng cho mẹ vợ giữ (là bà Ph) nên anh và chị D có thỏa thuận lấy vàng gửi từ bà Ph cho cha mẹ ruột anh mượn, cha mẹ ruột anh (bà Đ, ông T) nhận vàng 02 lần cụ thể đúng như bà Ph trình bày, nhận 20 chỉ vàng 24kr (9999) từ tay bà Ph giao, anh và chị D nhận 10 chỉ 24kr (9999) từ bà Ph đem về đưa trực tiếp cho bà Đ. Việc vay 10 chỉ vàng 24kr (9999) giữa bà Đ và bà Ph vào tháng 4/2018 như thế nào thì anh không biết do lúc đó anh không có mặt ở nhà.

Hiện nay, bà Đ, ông T đã trả đủ cho anh số vàng 30 chỉ vàng 24kr (9999) và anh đang cất giữ số vàng này. Số vàng 30 chỉ 24kr (9999) bà Ph đưa cho bà Đ nhận là số tài sản chung của anh và chị D nên anh khẳng định là ông T, bà Đ không nợ bà Ph, ông Th.

** Tại biên bản đối chất ngày 04/02/2020 chị Văn Kiều D trình bày:* Nội dung anh C vừa trình bày là không đúng vì trong thời gian chung sống vợ chồng chị chỉ gửi bà Ph 10 chỉ vàng 24kr (9999) nhưng anh C đã lấy 05 chỉ để thuê đất làm và chị đang giữ 05 chỉ.

Đối với số vàng 30 chỉ vàng 24kra theo nội dung bà Ph vừa trình bày là đúng. Trong năm 2017, ông T, bà Đ có nhờ chị D điện thoại cho bà Ph để nói chuyện và chị nghe nội dung cuộc nói chuyện là nhờ bà Ph hỏi mượn dùm 20 chỉ vàng 24kr (9999), sau đó thì có hỏi vay thêm 10 chỉ 24kr (9999), tổng cộng là 30 chỉ vàng 24k4r (9999), từng lần cụ thể: Lần 1, bà Đ đến nhà bà Ph trực tiếp nhận 20 chỉ vàng 24kr (9999), chị D nhìn thấy; Lần 2, chị và anh C trực tiếp nhận từ bà Ph giao đem về đưa cho bà Đ.

Vào khoảng tháng 4/2018, khi bà Ph nhận vàng từ bà Đ và việc bà Đ kêu cần trừ 10 chỉ vàng 24kr có mặt chị D và anh C.

Do đó, chị D khẳng định bà Đ và ông T nay vẫn còn nợ vàng bà Ph và ông Th. Chị D xác định số vàng anh C đang giữ không phải là số tài sản chung của vợ chồng.

*** *Tại bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2020/DS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang quyết định:***

1. Buộc ông Huỳnh Văn T, bà Nguyễn Thị Đ trả cho bà Phạm Thị Ph, ông Văn Minh Th số vàng đã vay còn nợ là 20 (*Hai mươi*) chỉ vàng 24kr (loại 9999).

2. Đình chỉ xét xử một phần khởi kiện của ông Văn Minh Th và bà Phạm Thị Ph đòi ông Huỳnh Văn T, bà Nguyễn Thị Đ trả 10 (*Mười*) chỉ vàng 24kra, loại vàng 9999.

3. Đình chỉ xét xử toàn bộ yêu cầu khởi kiện phản tố của ông Huỳnh Văn T, bà Nguyễn Thị Đ đòi ông Th và bà Ph trả 10 (*Mười*) chỉ vàng 24kra, loại vàng 9999.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, lãi suất chậm trả và bảo quyền kháng cáo theo hạn luật định.

*** *Ngày 05 tháng 8 năm 2020***, đồng bị đơn bà Nguyễn Thị Đ, ông Huỳnh Văn T kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm số 24/2020/DS-ST ngày 21/7/2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Những vấn đề cụ thể mà bị đơn yêu cầu Tòa án giải quyết: Không đồng ý trả vàng cho ông Văn Minh Th, bà Phạm Thị Ph. Lý do ông bà không vay vàng của ông Th, bà Ph.

*** *Tại phiên tòa phúc thẩm:***

- Đồng nguyên đơn ông Văn Minh Th, bà Phạm Thị Ph trình bày: Ông bà giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, không đồng ý kháng cáo của bị đơn. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Kiên Giang về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện và chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét, thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ; ý kiến của nguyên đơn, đại diện theo pháp luật của bị đơn và bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Phía bị đơn bà Đ vắng mặt nhưng có ủy quyền người khác tham gia tố tụng có mặt. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 2 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành phiên tòa phúc thẩm xét xử vắng mặt họ.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông T, bà Đ, Hội đồng xét xử xét thấy tại Tờ tường trình ngày 30/01/2019 và tại biên bản hòa giải ngày 08/02/2019 phía vợ chồng ông T, bà Đ đều trình bày do thiếu tiền cất nhà nên vợ chồng tôi có nhờ vợ chồng con tôi đi hỏi vay dùm tôi số vàng để xoay sở. Sau đó, D có nói với mẹ ruột là bà Ph và có kêu vợ chồng tôi lên gặp bà Ph để nhận vàng (Bút lục 18, 29). Việc giao nhận vàng vay theo vợ chồng ông T, bà Đ trình bày là lần 1 bà Đ nhận trực tiếp từ bà Ph 20 chỉ vàng 24k (9,999) tại nhà bà Ph, sau đó vợ chồng C, D đem về 10 chỉ vàng 24k (9,999) cho vợ ông nhận. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, sau khi Hội đồng xét xử công bố và đưa tờ Tường trình này, phía ông T thừa nhận Tờ tường trình ngày 30/01/2019 do chính vợ chồng nhờ người đánh máy và ký tên.

Mặc dù, phía vợ chồng ông T, bà Đ luôn cho rằng mình mượn vàng của vợ chồng C, D, nay vì lý do mâu thuẫn D bỏ nhà ra đi, nên ông bà đã trả cho C, để từ chối việc trả vàng vay cho bà Ph, nhưng qua chứng cứ có trong hồ sơ, lời khai của nhân chứng có mặt tại buổi hòa giải Ấp Tr, xã Đ ngày 31/10/2018 (Bút lục 51,54) và lời khai của chính ông T tại phiên tòa ngày 21/7/2020 ông trình bày đã trả tiền lãi cho bà Ph 12.000.000 đồng (Bút lục 152). Hội đồng xét xử xét việc vợ chồng ông T, bà Đ nhờ vợ chồng C, D vay vàng dùm từ phía bà Ph mẹ ruột của chị D là có thật, nên không có cơ sở chấp nhận nội dung kháng cáo của vợ chồng ông T, bà Đ.

Từ cơ sở nhận định nêu trên, trong thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử thống nhất chấp nhận quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát là xử bác nội dung kháng cáo của vợ chồng ông T, bà Đ và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí phúc thẩm: Buộc phía ông T, bà Đ phải chịu nộp tiền án phí phúc thẩm mỗi người 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Không chấp nhận nội dung kháng cáo của bị đơn bà Nguyễn Thị Đ và ông Huỳnh Văn T.

Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số: 24/2020/DS-ST ngày 21 tháng 7 năm 2020 của Tòa án nhân dân huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Áp dụng Điều 463, Điều 466, Điều 469 Bộ luật dân sự 2015; Điều 27 Luật Hôn nhân và gia đình 2014; Khoản 2 Điều 26, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Buộc ông Huỳnh Văn T, bà Nguyễn Thị Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phạm Thị Ph, ông Văn Minh Th số vàng đã vay còn nợ là 20 (*Hai mươi*) chỉ vàng 24kr (loại 9,999).

2. Đình chỉ xét xử một phần khởi kiện của ông Văn Minh Th và bà Phạm Thị Ph đòi ông Huỳnh Văn T, bà Nguyễn Thị Đ trả 10 (*Mười*) chỉ vàng 24kra, loại vàng 9,999.

3. Đình chỉ xét xử toàn bộ yêu cầu khởi kiện phản tố của ông Huỳnh Văn T, bà Nguyễn Thị Đ đòi ông Th và bà Ph trả 10 (*Mười*) chỉ vàng 24kra, loại vàng 9,999.

3. Về án phí:

- Án phí dân sự sơ thẩm: Vợ chồng ông T, bà Đ phải liên đới chịu nộp tiền án phí giá ngạch là 4.900.000 đồng (Bốn triệu chín trăm ngàn đồng), khấu trừ số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông T, bà Đ đã nộp 850.000 đồng theo biên lai thu số 0006257 ngày 11/9/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Kiên Giang, phía ông T, bà Đ còn phải chịu nộp tiếp số tiền 4.050.000 đồng (Bốn triệu không trăm năm mươi ngàn đồng).

Hoàn trả cho bà Phạm Thị Ph, ông Văn Minh Th số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông bà đã nộp 2.650.000 đồng (Hai triệu sáu trăm năm mươi ngàn) theo các biên lai thu số 0006095 ngày 17/01/2019 và biên lai thu số 0007519 ngày 01/11/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Kiên Giang.

3.2 Án phí dân sự phúc thẩm: Bị đơn ông T, bà Đ phải chịu nộp tiền án phía phúc thẩm mỗi người 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm ông T, bà Đ đã nộp theo các biên lai thu số 0005924, 0005925 cùng ngày 14/8/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, tỉnh Kiên Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- VKSND tỉnh Kiên Giang;
- TAND huyện A;
- CCTHADS huyện A;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lê Lâm Sơn

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
CÁC THẨM PHÁN THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ngô Thị Minh Trang

Trần Thị Trâm Anh

Lê Lâm Sơn

